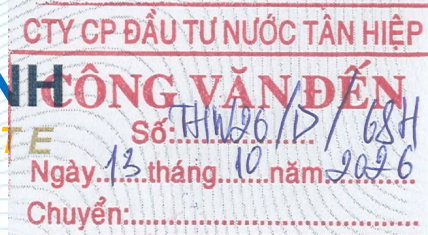




# CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

## INSPECTION CERTIFICATE

Số: Q326D104562 – Ngày: 09/10/2026



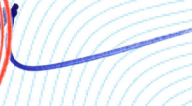
- Đơn vị yêu cầu giám định : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp  
Địa chỉ : Số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn bản yêu cầu giám định :
  - Giấy yêu cầu và nhận giám định số: Q326D104562 ngày 21/08/2026
- Nội dung yêu cầu giám định : Lấy mẫu và giám định chất lượng nước sinh hoạt
- Thời gian giám định : Từ 28/09/2026
- Địa điểm giám định : Nhà máy nước Tân Hiệp, số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Quy trình thực hiện : QUATEST3 3030:2025, N2.TC.N.01
- Thiết bị sử dụng :
  - Máy đo pH Seven2Go S2, Mettler Toledo – USA;
  - Máy đo Chlorine DR900, Hach – USA;
- Căn cứ áp dụng/ đánh giá : QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Kết quả giám định : Xem Phụ lục đính kèm

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Xuân Nam

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đăng Huyền

Ghi chú: Kết quả giám định này chỉ có giá trị đối với các đối tượng giám định nêu trên.

Phụ lục  
**CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH**  
Số: Q326D104562 – Ngày: 09/10/2026

**9.1 Nội dung thực hiện**

- Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm được chỉ định bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, cụ thể như sau:

| Vị trí lấy mẫu                        | Ký hiệu mẫu | Chỉ tiêu thử nghiệm                           |
|---------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------|
| Vòi nước dịch vụ tại phòng thí nghiệm | 104562-NSH  | 10 thông số nhóm A nêu tại QCVN 01-1:2024/BYT |

- Thông tin về quá trình lấy mẫu và hình ảnh mẫu niêm phong: -
- Hình ảnh vị trí lấy mẫu:



**9.2 Kết quả giám định**

| STT | Tên thông số                                                        | Đơn vị | Phương pháp           | Kết quả  | Ngưỡng giới hạn cho phép <sup>(1)</sup> |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------|----------|-----------------------------------------|
| 1   | pH                                                                  | -      | Đo tại hiện trường    | 7,8      | Trong khoảng (6,0 – 8,5)                |
| 2   | Clo dư tự do                                                        | mg/L   |                       | 0,9      | Trong khoảng (0,2 – 1,0)                |
| 3   | Màu sắc                                                             | Pt.Co  | TCVN 6185:2015        | < 5      | 15                                      |
| 4   | Độ đục                                                              | NTU    | SMEWW 2130B:2023      | < 0,5    | 2                                       |
| 5   | Asen (As)                                                           | mg/L   | US EPA 200.8          | < 0,0005 | 0,01                                    |
| 6   | Chỉ số permanganat                                                  | mg/L   | TCVN 6186:1996        | < 1      | 2                                       |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L   | US EPA 350.2 (So màu) | < 0,1    | 1                                       |

Phụ lục  
**CHỨNG THỬ GIÁM ĐỊNH**  
Số: Q326D104562 – Ngày: 09/10/2026

| STT | Tên thông số     | Đơn vị     | Phương pháp                    | Kết quả         | Ngưỡng giới hạn cho phép <sup>(1)</sup> |
|-----|------------------|------------|--------------------------------|-----------------|-----------------------------------------|
| 8   | Mùi              | -          | Cảm quan tại hiện trường       | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ                         |
| 9   | Coliform tổng số | CFU/100 mL | ISO 9308-1:2014/<br>Amd.1:2016 | < 1             | < 1                                     |
| 10  | Escherichia coli | CFU/100 mL |                                | < 1             | < 1                                     |

Ghi chú:

- <sup>(1)</sup> ... Ngưỡng giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01-1:2024/BYT.
- Phương pháp thử nghiệm được công nhận ISO 17025 – VILAS 004.
  - Lĩnh vực thực hiện được công nhận ISO 17020 – VIAS 004.

**Đánh giá:**

So sánh kết quả thử nghiệm các thông số của mẫu nước nêu trên so với mức quy định tương ứng tại QCVN 01-1:2024/BYT:

- + Thông số **không đạt** : -
- + Thông số **đạt** : tất cả các thông số
-